

Số: 51/2018/ DS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
Vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

\* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Cán bộ  
Toà án nhân dân thành phố B.

\* Đại diện VKSND thành phố B, tỉnh Đồng Nai: Ông Lê Sỹ Linh.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử  
sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST - DS ngày 09 tháng 01  
năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số: 100/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: Số 25 Bis, đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Tường V, sinh năm 1990

Địa chỉ: A3 – A8 khu phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Khổng Hữu L, sinh năm 1992

Bà Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số nhà 80/7/9, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng  
Nai.

(Tại phiên tòa bà Vi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông L và bà H  
vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn  
Tường V đại diện cho Ngân hàng TMCP P trình bày:

Ngân hàng TMCP P đã cho cho bà Nguyễn Thị Thùy H và ông Khổng Hữu  
L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0341/2014/HĐTDTDH-CN ngày 30/5/2014  
với các nội dung chính như sau: Số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ  
ngày 30/5/2014 đến ngày 30/01/2016. Lãi suất 14,4%/năm (lãi suất được cố định

trong suốt thời gian vay và tính trên dư nợ ban đầu), Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số nợ gốc và tiền lãi như sau: Thời gian từ ngày 30/6/2014 đến ngày 30/10/2014 thanh toán 5.000.000đ nợ gốc và tiền lãi là 1.220.000đ; Sau thời gian này thì mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy H, ông Khổng Hữu L trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nhưng cho đến nay bà Nguyễn Thị Thùy H và ông Khổng Hữu L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng đầy đủ và đúng hạn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền như sau: ngày 23/7/2018 thanh toán được 7.000.000đ nợ gốc và ngày 05/9/2018 thanh toán được 3.000.000đ nợ gốc.

Nay Ngân hàng TMCP P kính đề nghị Quý Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thùy H và ông Khổng Hữu L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 10/9/2018 với tổng số tiền là 21.182.359đ. Trong đó nợ gốc là 5.000.000đ, nợ lãi là 16.182.359đ.

Đề nghị Tòa án tiếp tục buộc bà Nguyễn Thị Thùy H và ông Khổng Hữu L phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng từ sau ngày 10/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**\* Theo nội dung biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 24/7/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy H trình bày:**

Vào ngày 30/5/2014, tôi và con trai tôi là Khổng Hữu L có vay vốn của Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng tín dụng số 0341/2014/HĐTĐTDH-CN: Số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/5/2014 đến ngày 30/01/2016. Lãi suất 14,4%/năm (lãi suất được cố định trong suốt thời gian vay và tính trên dư nợ ban đầu), Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà H và ông L đã trả nợ cho Ngân hàng được số tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.220.000đ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa có tiền để trả nợ cho Ngân hàng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà và ông L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 27.384.183đ thì bà đồng ý.

**Bị đơn ông Khổng Hữu L không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.**

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng được Toà án tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm, riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc là 5.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.182.359đ, tổng cộng gốc và lãi là 21.182.359. Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai hợp lệ nhưng bị đơn đã vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là 5.000.000đ. Xét sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hợp đồng tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Các tình tiết nguyên đơn đưa ra như ngày, tháng, năm ký kết hợp đồng tín dụng; quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã nhận đầy đủ khoản tiền vay. Căn cứ Khoản 1, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận các tình tiết này là sự thật.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 30/5/2014 ông Không Hữu L và bà Nguyễn Thị Thùy H có giao kết hợp đồng tín dụng số 0341/2014/HĐTDTDH-CN ngày 30/5/2014 với Ngân hàng TMCP P để vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/5/2014 đến ngày 30/01/2016. Lãi suất 14,4%/năm (lãi suất được cố định trong suốt thời gian vay và tính trên dư nợ ban đầu), Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển/nợ quá hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng và bị đơn không phải thế chấp tài sản. Sau khi nhận khoản tiền vay nêu trên từ ngân hàng, đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến ngày 30/10/2014 với số tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.220.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thì nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán số tiền nợ gốc là 7.000.000đ vào ngày 23/7/2018; đến ngày 05/9/2018 đồng bị đơn tiếp tục thanh toán số nợ gốc cho nguyên đơn là 3.000.000đ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Tính từ ngày 05/9/2018 cho đến nay đồng bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận giữa các bên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gốc còn lại là 5.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 30/10/2014 đến ngày 10/9/2018 với số tiền 16.182.359đ, tổng cộng gốc và lãi là 21.182.359đ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bị đơn bà H và ông L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi nêu trên cho nguyên đơn. Nghĩa vụ của bà H, ông L là ngang bằng nhau; cụ thể bà H, ông L mỗi người phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 2.500.000đ và tiền lãi là 8.091.180đ. Ngoài ra, bà H và ông L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/9/2018 tương ứng với khoản nợ gốc và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận

trong hợp đồng số 0341/2014/HĐTDTDH-CN ngày 30/5/2014 mà đồng bị đơn đã giao kết với Ngân hàng TMCP P.

[6] Về án phí:

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc đồng bị đơn phải nộp án phí dân sự đối với số tiền 21.182.359đ là  $= 21.182.359đ \times 5\% = 1.059.118đ$ . Cụ thể bà H, ông L mỗi người phải nộp 529.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 674.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003878 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 26, 35, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy H, ông Không Hữu L mỗi người phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền nợ gốc 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 8.091.180đ (tám triệu không trăm chín mươi một nghìn một trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thùy H, ông Không Hữu L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 0341/2014/HĐTDTDH-CN ngày 30/5/2014 mà bà H, ông L đã giao kết với Ngân hàng TMCP P.

2/ Về án phí:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thùy H, ông Không Hữu L mỗi người phải nộp 529.500đ (năm trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 674.000đ (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003878 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA DS thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Hương

